

Bản án số: 683/2020/HC-PT

Ngày 09/11/2020

V/v: “Khiếu kiện Quyết định hành chính,
hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý
đất đai”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các thẩm phán: Ông Đỗ Đình Thanh

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Đoàn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 593/2019/TLPT-HC ngày 10 tháng 10 năm 2019 về việc “Khiếu kiện Quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 08/2019/HC-ST ngày 02 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3884/2020/QĐ-PT ngày 19 tháng 10 năm 2020, giữa:

1. *Người khởi kiện:* Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Số nhà 51 đường L, phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (Vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Bà Trần Thị T, sinh năm 1959.

Địa chỉ: 131 đường P, Phường 7, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh – Giấy ủy quyền ngày 06/3/2020 (Có mặt);

2. *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H và Ủy ban nhân dân huyện H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc D, chức vụ: Chủ tịch (Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt);

Người bảo vệ quyền lợi cho người bị kiện: Ông Huỳnh Tấn K – Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện (Có mặt).

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Nguyễn Thị Ánh N, sinh năm 1952 (Vắng mặt);

- Bà Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1955 (Vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp của bà N, bà T: Bà Hứa Thu Y, sinh năm: 1983; địa chỉ: Số 51 Đường L, phường Đ, TP. P, tỉnh Bình Thuận - Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 21/01/2018 (Có mặt);

- Ông Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1958 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 58 Đường N, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của ông Đ: Bà Hứa Thu Y, sinh năm: 1983; và bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1958; cùng địa chỉ: Số 51 Đường L, phường Đ, TP. P, tỉnh Bình Thuận - Theo Hợp đồng ủy quyền ngày ngày 21/01/2018 và ngày 07/6/2018 (Bà Y có mặt, bà D vắng mặt);

- Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1951 (Vắng mặt);

- Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1956 (Vắng mặt);

- Ông Nguyễn Thành C, sinh năm 1956 (Vắng mặt);

- Bà Nguyễn Hương M, sinh năm 1964 (Vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp của ông Long, ông Tâm, ông Công và Bà Hương: Bà Hứa Thu Y, sinh 1983; địa chỉ: Số nhà 51 Đường L, phường Đ, TP. P, tỉnh Bình Thuận (Theo hợp đồng ủy quyền đề ngày 06/9/2018 lập tại Đại sứ quán Việt Nam tại AUSTRALIA) có mặt.

- Ủy ban nhân dân xã H;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Văn Công; chức vụ: Chủ tịch (Có mặt).

- Trường Mẫu Giáo xã H;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Mai Xuân; chức vụ: Hiệu Trưởng (Vắng mặt).

- Bà Ngô Thị T, sinh năm: 1948;

Địa chỉ: Số 287, thôn D, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản đối thoại và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, người khởi kiện trình bày:

Người khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy công văn số 1895/UBND-TNMT ngày 05/9/2017 của Chủ tịch UBND huyện H về việc trả lời đơn cho công dân và yêu cầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà theo đúng quy định của pháp luật. Bởi những căn cứ sau:

Về nguồn gốc diện tích 6.352m² đất mà bà D yêu cầu có nguồn gốc từ việc cha mẹ bà D mua lại phần diện tích đất của ông Nguyễn Văn Trọt và bà Huỳnh Thị Ba theo tờ đoạn mại ruộng đất có thị thực của Đại diện Hội đồng xã Phú Sung, quận Hàm Thuận, tỉnh Bình Thuận chứng nhận với diện tích cụ thể là đất 10.352m², ruộng 9650m² và được cấp chứng chỉ tài sản vào ngày 24/3/1962. Quá trình canh tác tại địa phương liên tục cho đến năm 1975 thì gia đình bà D có đưa cho bà Vũ Thị Bích (là sui gia với gia đình bà D) để canh tác và sử dụng, chăm nom đối với phần diện tích là 13.473m². Năm 1979, với chủ trương đưa đất vào HTX để canh tác nên bà Bích đã tự ý lấy phần diện tích là 10.913m² của gia đình bà đưa vào HTX. HTX đã sử dụng phần diện tích này làm nhà kho, sân phơi lúa, hội trường, nhà trường, nhà máy xay lúa. Sau khi HTX giải thể, năm 1996 ông Đ (em bà D) có làm đơn xin lại phần đất HTX Nông nghiệp 3 đang sử dụng và gửi đơn đến UBND xã H, Ban lãnh đạo HTXNN3 xã H và UBND huyện H. Ngày 09/12/1996, UBND xã H đã có công văn trả lời về việc này. Trên cơ sở công văn trả lời của UBND xã H, ông Đ đã có đơn xin cấp giấy chứng nhận QSD đất đối với phần đất đã được UBND huyện cấp cho bà Ngọc, ngày 20/6/1997, UBND huyện H đã cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ông Đ với phần diện tích 1.803m² tại thửa 195, tờ bản đồ số 03. Còn phần diện tích còn lại 4.672m² tại thửa số 194A là phần diện tích mà HTX chưa sử dụng và mô mã gia đình thì ông Đ có đơn xin cấp giấy chứng nhận nhưng UBND huyện không xem xét giải quyết với lý do là căn cứ khoản 2 Điều 24 Luật đất đai 1993, điểm a khoản 2 Điều 70 Nghị định 181 là vì ông Đ không phải là đối tượng trực tiếp sản xuất nông nghiệp, không phải là người dân cư trú lâu dài tại địa phương. Tuy nhiên, việc áp dụng điều khoản này là không đúng quy định của pháp luật đất đai theo quy định tại khoản 4 Điều 49 của Luật đất đai 2003 thì trường hợp của gia đình bà D đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận QSD đất.

Quy định tại Điều 70 của Nghị định 181 là trường hợp UBND xã, phường, thị trấn đưa vào phương án giao đất cho hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu sử dụng đất nông nghiệp để sản xuất và đề nghị UBND huyện cấp giấy chứng nhận QSD đất. Tuy nhiên, trường hợp của gia đình bà D, UBND xã H đã

có xác nhận nguồn gốc đất và đề nghị UBND huyện và Phòng địa chính huyện cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ông Đ về phần đất mà HTX chưa sử dụng, đất mồ mã mà bà D đã kê khai trước đó. Như vậy, trường hợp gia đình Dung có đầy đủ cơ sở để được cấp giấy chứng nhận QSD đất theo đúng quy định của pháp luật nhưng UBND huyện H không đồng ý cấp.

Phần diện tích đất này trước đây không phải là do gia đình bà tự nguyện đưa vào HTX, mà việc đưa vào HTX là do bà Vũ Thị Bích đưa vào HTX, trong khi phần diện tích đất này là thuộc quyền sử dụng của gia đình bà D. Điều này cũng được bà Bích thừa nhận. Sau khi HTX giải thể đáng lẽ ra HTX phải trả lại phần diện tích đất này cho gia đình bà nhưng HTXNN3 lại không hoàn trả lại mà lấy sử dụng làm văn phòng, sân chơi, hội trường, nhà trẻ mà chưa có sự đồng ý của gia đình bà D. Điều này là không đúng quy định về chính sách đất đai. Việc tự ý sử dụng đất của gia đình bà của HTX3 không phải là hình thức được Nhà nước giao hợp pháp theo luật đất đai.

Phần diện tích đất hiện tại mà UBND huyện H lấy để xây dựng trường mầm non cho huyện là phần đất có mồ mã của gia đình bà. Ngôi mộ lâu đời nhất được chôn cất là năm 1961 và gần đây nhất là năm 2006. Việc có hành vi ngang nhiên xây dựng trên phần đất mồ mã của ông bà gia đình bà D là hành vi trái pháp luật, xâm phạm mồ mã của gia đình bà.

Ý kiến của người bị kiện:

Việc bà Nguyễn Thị D khởi kiện yêu cầu hủy văn bản số 1895/UBND-TNMT ngày 05/9/2017 của Chủ tịch UBND huyện H về việc trả lời đơn cho công dân; yêu cầu UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà là không có cơ sở để chấp nhận.

Bởi diện tích đất mà bà D yêu cầu đã được Nhà nước thực hiện chính sách đất đai qua các thời kỳ cho nên Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- UBND xã H thống nhất như ý kiến của UBND huyện H, diện tích đất có nguồn gốc từ cha mẹ của bà D khiếu kiện đã đưa vào Hợp tác xã và được bố trí sử dụng phục vụ lợi ích chung cho nên không có chấp nhận yêu cầu khởi kiện của gia đình bà.

- Trường Mẫu giáo Hàm Kiệm do bà Nguyễn Thị Mai Xuân, chức vụ Hiệu trưởng cho rằng Trường được thành lập năm 1996 theo Quyết định số 289/QĐ-UBND huyện H. Diện tích đất mà Trường mẫu giáo đang sử dụng trước đây là đất của HTX, sau khi HTX giải thể thì diện tích đất này được giao cho UBND xã H quản lý.

- Bà Ngô Thị T cho rằng diện tích đất 180m² mà bà đang sử dụng là do UBND xã H đổi do thu hồi diện tích đất của bà để thực hiện xây dựng trường mẫu giáo. Thời điểm hoán đổi bà không nhớ rõ nhưng diện tích đất này hộ gia đình bà đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại Bản án hình chính số 08/2019/HC-ST ngày 02 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 1 Điều 157, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính; Căn cứ Luật đất đai 2013; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và Thông tư 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D về việc:

- Yêu cầu hủy Văn bản số 1895/UBND-NC ngày 05/9/2017 của Ủy ban nhân dân huyện H.

- Yêu cầu buộc UBND huyện H công nhận diện tích đất còn lại 6.352m² tọa lạc tại xã H, huyện H cho bà D.

- Đình chỉ thi công trên phần diện tích đất đang khiếu kiện

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, đến ngày 05/7/2019 ông Nguyễn Thành Đ kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, hủy Văn bản số 1895/UBND-NC ngày 05/9/2017 của Ủy ban nhân dân huyện H; buộc UBND huyện H công nhận và cấp giấy đổi với diện tích đất 6.352m² tọa lạc tại xã H, huyện H cho bà D.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo cho rằng nguồn gốc đất của gia đình bà D, sau khi hợp tác xã giải thể thì hai thửa đất 439, 440 (trên đó có mồ mã của gia đình bà D) hiện nhà nước cũng không quản lý hay giao cho cá nhân, cơ quan, tổ chức nào nên đề nghị chấp nhận đơn kháng cáo của gia đình bà D, sửa án sơ thẩm hủy Văn bản số 1895/UBND-NC ngày 05/9/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H; buộc UBND huyện H công nhận và cấp giấy chứng

nhận quyền sử dụng diện tích đất, tại thửa 439, 440 tọa lạc tại xã H, huyện H cho gia đình bà D.

Người bảo vệ quyền lợi và nghĩa vụ của Chủ tịch và UBND huyện Hàm Thuận Nam cho rằng: Diện tích đất trên có nguồn gốc của gia đình bà D nhưng đã đưa vào hợp tác xã. Đến nay bà D không phải là người sử dụng diện tích đất trên nên không có nhu cầu sử dụng đất thực tế. Hiện trên đất có mồ mả, UBND xã đã quản lý đất nên đất này của nhà nước. Bà D yêu cầu giao đất và cấp giấy cho gia đình bà D là không phù hợp; đề nghị bác đơn kháng cáo của gia đình bà D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm như sau: Về thủ tục tố tụng, những người tiến hành tố tụng, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính. Về nội dung vụ án, nguồn gốc đất của ông Hà là cha của bà D, đã giao cho bà Bích và bà Bích đã đưa vào hợp tác xã; nay hợp tác xã giải thể nhưng đất của gia đình bà D nhà nước đã sử dụng làm công trình kiến trúc hợp tác xã, trường mẫu giáo và giao cho cá nhân sử dụng. Theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Luật đất đai thì gia đình bà D không có quyền đòi lại đất. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015, bác đơn kháng cáo của gia đình bà D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa thì thấy:

- Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Thành Đ (con của ông Hà) hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1]. Theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị D, Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là quan hệ hành chính về việc: “Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”, đối tượng bị khởi kiện là Công văn số 1895/UBND-TNMT ngày 05/9/2017 của Chủ tịch UBND huyện H và hành vi không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện H; thời hiệu khởi kiện vẫn còn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, được quy định tại khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[2]. Xét nội dung đơn kháng cáo của ông Nguyễn Thành Đ yêu cầu hủy Công văn số 1895/UBND-TNMT ngày 05/9/2017 của Chủ tịch UBND huyện H thì thấy:

[2.1]. Diện tích đất còn lại trên 6.352m² tại thửa 439 và thửa 440, tọa lạc tại thôn D, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận mà bà D có đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có nguồn gốc là của ông Nguyễn Văn Hà (cha của bà D, ông Đ) mua của ông Nguyễn Văn Trọt và bà Huỳnh Thị Ba theo tờ đoạn mại ruộng đất có thị thực của Đại diện Hội đồng xã Phú Sung, quận Hàm Thuận, tỉnh Bình Thuận chứng nhận với diện tích đất là 10.352m², ruộng 9.650m² và được cấp chứng chỉ tài sản vào ngày 24/3/1962 (BL: 136 đến 140). Ông Nguyễn Văn Hà xây dựng nhà ở trên đất; đến năm 1975, ông Nguyễn Văn Hà giao toàn bộ nhà và đất trên cho bà Vũ Thị Bích quản lý; đến ngày 11/02/1979 bà Vũ Thị Bích có đơn tự nguyện đưa diện tích đất, ruộng của ông Nguyễn Văn Hà vào Hợp tác xã sản xuất nông nghiệp.

[2.2]. Theo Công văn số 1158/UBND-TNMT ngày 31/5/2018 của UBND huyện H trả lời cho Tòa án cấp sơ thẩm, sau khi Hợp tác xã nông nghiệp Dân Bình – Hàm Kiệm được thành lập, diện tích đất của ông Nguyễn Văn Hà được sử dụng làm 3 khu vực: Khu Ban quản lý hợp tác xã, hội trường hợp tác xã, sân phơi kho tàng; khu vực trường mẫu giáo; khu đất trống hợp tác xã chưa sử dụng về hướng Nam giáp đất nghĩa địa Vĩnh Hưng (BL: 98).

Theo Mạnh chinh lý, trích lục địa chính 2018 lập theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 05/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận thì tại thửa 435 và thửa 436 là trụ sở của ban quản lý hợp tác xã, hội trường hợp tác xã, sân phơi kho tàng hợp tác xã và trường mẫu giáo. Còn lại thửa đất 437, thửa 438, thửa 439 và thửa 440 là đất trống. Theo tài liệu Tòa án cấp sơ thẩm thu thập thì ngày 20/6/1997, ông Nguyễn Thành Đ (con của ông Hà) xin lại khu đất hợp tác xã chưa sử dụng và được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng 1.803m² đất (trong đó có 300m² đất ở và 1.503m² đất màu); đến ngày 08/8/2003 UBND huyện H tiếp tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng 2.100m² đất (trong đó có 300m² đất ở và 1.800m² đất màu) cho ông Nguyễn Thành Đ nay là một phần của thửa 437 và thửa 438.

[2.3]. Đến ngày 20/11/2009, Hợp tác xã nông nghiệp Dân Bình – Hàm Kiệm giải thể; trong đó Nghị quyết của đại biểu xã viên Hợp tác xã nông nghiệp Dân Bình – Hàm Kiệm có ghi tại mục 7: Đất đai giao lại cho địa phương quản lý theo luật đất đai.

Tòa án cấp phúc thẩm có Công văn số: 1245/2020/CV-TA ngày 13/7/2020, yêu cầu UBND huyện H cung cấp tài liệu thể hiện diện tích đất gia đình bà D xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhà nước đã quản lý sử dụng hoặc giao cho cá nhân, tổ chức khác sử dụng. Tuy nhiên, đến nay UBND huyện H cũng như UBND xã H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để xác

định: ngoài diện tích 180m² đất nhà nước đã giao cho hộ của bà Ngô Thị T thì diện tích đất trên 6.352m² còn lại, tại thửa 439 và thửa 440 nhà nước đã quản lý, sử dụng hoặc giao cho cá nhân, tổ chức khác sử dụng. Do đó, Công văn số 1895/UBND-TNMT ngày 05/9/2017 của Chủ tịch UBND huyện H đã căn cứ khoản 5 Điều 26 Luật đất đai năm 2013, trả lời cho bà D: *Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng, trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa, Chính phủ Cách Mạng lâm thời Cộng hòa Miền nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam* là chưa có căn cứ và bác yêu cầu của bà D về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà D là không đúng hướng dẫn tại điểm b mục 2.4 phần II Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết đối với đất đai đã đưa vào tập đoàn sản xuất, hợp tác xã mà sau đó tập đoàn sản xuất, hợp tác xã đã giải thể.

[2.4]. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bà D xác nhận đơn vị thi công trên phần đất của Trường mẫu giáo, không liên quan đến phần đất bà D khiếu nại và không yêu cầu xem xét nên đình chỉ xét xử phúc thẩm nội dung này theo quy định tại khoản 3 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận; đơn kháng cáo của gia đình bà D là có căn cứ nên được chấp nhận; sửa bản án sơ thẩm, hủy Công văn số 1895/UBND-TNMT ngày 05/9/2017 của Chủ tịch UBND huyện H; buộc UBND huyện H thực hiện nhiệm vụ, công vụ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích đất trên 6.352m² còn lại, tại thửa 439 và thửa 440 cho gia đình bà D đúng quy định của pháp luật. Bà Nguyễn Thị D, Chủ tịch UBND huyện H và UBND huyện H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật. Về án phí hành chính phúc thẩm, bà D không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

1. Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Thành Đ; sửa Bản án sơ thẩm số: 08/2019/HC-ST ngày 02 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 157 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; điểm b mục 2.4 phần II Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 01 và khoản 2 Điều 32, khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị D yêu cầu về việc:

- Hủy Văn bản số 1895/UBND-NC ngày 05/9/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích đất trên 6.352m² tại thửa 439 và thửa 440, tọa lạc tại xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận cho bà Nguyễn Thị D. (Kèm theo Mạnh chính lý trích lục địa chính số - 2018, do Văn phòng đăng ký đất đai ký ngày 17/10/2018)

- Căn cứ khoản 3 Điều 229 Bộ luật tố tụng hành chính năm 2015. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung về việc thi công trên phần diện tích đất đang khiếu kiện.

Về án phí hành chính sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng; khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0021005 ngày 06/3/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận nên bà Nguyễn Thị D đã nộp đủ án phí.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận phải chịu 300.000 đồng. Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận phải chịu 300.000 đồng.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Thành Đ không phải chịu; hoàn trả 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0027433 ngày 02/8/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận cho ông Nguyễn Thành Đ.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Cục THADS tỉnh Bình Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu. PTHH 20

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Ý